

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN¹
40 năm Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc
(17/02/1979 – 17/02/2019)

I. CUỘC CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ BIÊN GIỚI PHÍA BẮC CỦA TỔ QUỐC

1. Bối cảnh

a. Sự thay đổi trong quan hệ tam giác chiến lược Trung Quốc, Liên Xô và Mỹ (gọi tắt là chiến lược Trung - Xô - Mỹ) thập niên 70 của thế kỷ XX và Cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam Việt Nam đã ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ đoàn kết, hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc

- Sự thay đổi trong quan hệ tam giác chiến lược Trung - Xô - Mỹ thập niên 70 của thế kỷ XX:

+ Trong khoảng 10 năm đầu khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập (1949 - 1959), với chính sách ngoại giao “Nhất biên đảo” (ngiên hân về phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu), quan hệ Trung - Xô đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ, tiến công và làm tan rã từng mảng lớn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, đế quốc; tiêu biểu như thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Lào, Campuchia, Triều Tiên (châu Á) và phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi, Mỹ La-tinh. Khi đó, đế quốc Mỹ là kẻ thù chung của hai nước Trung - Xô trong quan hệ tam giác chiến lược.

+ Trong 10 năm tiếp theo (1959 - 1969), quan hệ Trung - Xô - Mỹ có những diễn biến phức tạp, bắt đầu từ sự rạn nứt trong quan hệ Trung - Xô, đỉnh điểm là cuộc xung đột biên giới năm 1969. Trái ngược với mâu thuẫn sâu sắc trong quan hệ Trung - Xô, quan hệ Trung - Mỹ xích lại gần nhau hơn và sự kiện Tổng thống Mỹ Nixon thăm Bắc Kinh (tháng 2/1972) đã làm “tan băng” trong quan hệ Trung - Mỹ.

- Hệ quả từ sự thay đổi trong quan hệ tam giác chiến lược Trung - Xô - Mỹ đã ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới, tác động trực tiếp đến công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam.

Trong bối cảnh phong trào cách mạng thế giới bị phân hóa, mâu thuẫn Trung - Xô sâu sắc, nhưng dựa vào đường lối độc lập, tự chủ, Đảng ta đã khéo léo cân bằng được ảnh hưởng của hai nước lớn (Trung Quốc và Liên Xô), tranh thủ sự giúp đỡ hiệu quả của bạn để chấm dứt cuộc chiến tranh của đế quốc Mỹ xâm lược.

- Trái ngược với tình trạng xấu đi trong quan hệ Trung - Xô, quan hệ Việt - Xô (1965 - 1975) phát triển ngày càng mạnh mẽ, đã tác động mạnh đến những

¹ Trên cơ sở đề cương tuyên truyền do Ban Tuyên giáo Trung ương và Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam biên soạn và phát hành, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã biên tập bổ sung một số nội dung liên quan đến sự kiện trên Mặt trận Lạng Sơn để phục vụ cho công tác tuyên truyền miệng.

tính toán chiến lược của Trung Quốc.

Sau khi giúp đỡ Việt Nam giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (tháng 4/1975), quan hệ của Việt - Xô tiếp tục phát triển tốt đẹp. Ngày 03/11/1978, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô - Viết ký Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác, đánh dấu bước phát triển mới của tình đoàn kết và hợp tác toàn diện giữa hai nước và sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Liên Xô đối với Việt Nam. Cùng với những điều khoản về hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, Hiệp ước còn đề cập đến vấn đề quốc phòng - an ninh, quy định: Hai bên sẽ trao đổi ý kiến với nhau về tất cả các vấn đề quan trọng có liên quan đến lợi ích hai nước; trong trường hợp một trong hai bên bị đe dọa tiến công thì hai bên sẽ lập tức trao đổi với nhau nhằm loại trừ mối đe dọa đó và áp dụng những biện pháp thích đáng có hiệu lực đảm bảo hòa bình và an ninh của hai nước.

- Sau chiến thắng đế quốc Mỹ (ngày 17/4/1975) ở Campuchia, tập đoàn Pôn Pốt lên nắm quyền, lập ra nhà nước "Campuchia dân chủ", phản bội lại nhân dân Campuchia và phá hoại truyền thống đoàn kết hữu nghị của nhân dân hai nước Việt Nam - Campuchia, thực hiện chính sách diệt chủng cực kỳ tàn bạo ở Campuchia và xâm lược biên giới Tây Nam của Việt Nam.

Trước hành động xâm lược và diệt chủng tàn bạo của chế độ Pôn Pốt; đáp lời kêu gọi khẩn thiết của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, Đảng Nhà nước, Quân đội và Nhân dân Việt Nam đã thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình, đập tan các hành động xâm lược, cùng quân dân Campuchia chiến thắng chế độ diệt chủng Pôn Pốt, giải phóng Campuchia vào ngày 7/01/1979.

- Thắng lợi của Nhân dân Việt Nam trong Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc và cùng quân dân Campuchia chiến thắng chế độ diệt chủng Pôn Pốt đã đẩy sự căng thẳng trong quan hệ Trung Quốc - Việt Nam lên đỉnh điểm.

b. Trung Quốc gia tăng các hoạt động khiêu khích, xung đột vũ trang trên tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam, hòng tạo cơ gây chiến tranh để thực hiện mục tiêu, ý đồ đặt ra

- Ngay từ những năm đầu Việt Nam thống nhất đất nước, Trung Quốc đã tăng cường các hoạt động quân sự, khiêu khích vũ trang, xâm lấn đất đai (từ 234 vụ năm 1975, 812 vụ năm 1976, tăng lên 873 vụ năm 1977 và 2.175 vụ năm 1978), gây tình hình căng thẳng, phức tạp trên vùng biên giới phía Bắc Việt Nam.

- Từ tháng 5/1978, Trung Quốc vô cớ dựng lên "sự kiện nạn kiều", thực chất là dụ dỗ, đe dọa, lần lượt cưỡng ép gần 20 vạn Hoa kiều đang sống yên ổn ở Việt Nam phải về nước. Tiếp đó, họ trắng trợn vu cáo Việt Nam ngược đãi, khủng bố xua đuổi Hoa kiều, rút chuyên gia, gây ra tình hình hết sức căng thẳng.

- Từ cuối năm 1978, Trung Quốc tăng cường làm đường cơ động, xây dựng căn cứ, hệ thống kho trạm, vận chuyển tập kết vật chất, sơ tán nhân dân về phía sau. Đồng thời, thực hiện các hoạt động nghi binh, đề ra kế hoạch “dạy cho Việt Nam một bài học” và chuẩn bị chiến tranh “trừng phạt Việt Nam”. Họ tuyên bố lừa mị dư luận trong nước và quốc tế rằng chỉ sử dụng lực lượng “bộ đội biên phòng” để thực hiện “phản kích tự vệ”, bởi Việt Nam gây ra xung đột, “lấn chiếm đất đai”, “quấy rối biên cương” phía Nam. Thực tế, trên vùng biên giới Việt - Trung không có lực lượng vũ trang nào của Việt Nam được triển khai gây sức ép buộc Trung Quốc phải “tự vệ”, chỉ có phía Trung Quốc chuẩn bị lực lượng quy mô lớn đánh Việt Nam.

+ Từ tháng 8/1978, phía Trung Quốc điều động lực lượng từ phía sau ra biên giới gồm 9 quân đoàn và 5 sư đoàn độc lập (tổng cộng 32 sư đoàn bộ binh), cùng 550 xe tăng, xe bọc thép, 2.558 pháo (trong đó có 1.092 pháo xe kéo), 676 máy bay...

+ Trên hướng biển có hàng chục tàu chiến thuộc Hạm đội Nam Hải hỗ trợ. Ngoài ra, phía Trung Quốc còn bố trí nhiều trận địa pháo, trạm ra đa, trang bị vũ khí cho dân binh các công xã ở vùng biên giới, tổ chức nhiều cuộc diễn tập, gây căng thẳng trên vùng biên giới phía Bắc.

- Đêm 16 rạng ngày 17/2/1979 (đêm thứ Bảy rạng ngày Chủ nhật), lợi dụng trời tối, sương mù, phía Trung Quốc bí mật đưa lực lượng lớn luồn sâu, ếm sẵn ở nhiều khu vực trên toàn tuyến biên giới, từ Pò Hèn (Quảng Ninh) đến Pa Nậm Cúm (Lai Châu); đồng thời, triển khai đội hình gồm một lực lượng lớn áp sát biên giới chuẩn bị tiến công.

- Mở cuộc chiến tranh trên biên giới phía Bắc nước ta, đối phương hy vọng thực hiện được 5 mục tiêu:

+ *Một là*, cứu bọn Pôn Pốt, giữ Campuchia trong quỹ đạo của họ (mục tiêu chủ yếu). Ý đồ là chiếm một số khu vực đất đai của ta ở gần biên giới, nếu ta sơ hở sẽ tiến vào sâu, buộc ta đàm phán, đòi ta rút quân khỏi Campuchia để đánh đổi việc họ rút quân. Mục thấp là đánh để buộc ta vì lo bảo vệ miền Bắc phải rút quân khỏi Campuchia, tạo điều kiện cho quân Pôn Pốt bảo toàn lực lượng, giữ được các căn cứ, đẩy mạnh hoạt động, hòng khôi phục lại chính quyền Campuchia Dân chủ.

+ *Hai là*, tranh thủ Mỹ và các nước đế quốc giúp họ xây dựng “bốn hiện đại hóa” (nông nghiệp, công nghiệp, quân đội và khoa học - kỹ thuật).

+ *Ba là*, phá hoại tiềm lực quốc phòng và kinh tế của ta, làm ta suy yếu. Ý đồ của họ là tiêu diệt một bộ phận lực lượng vũ trang ta, nhất là khối bộ đội chủ lực, phá hoại các cơ sở kinh tế, tàn sát gây tâm lý khủng khiếp trong nhân dân ta, kích động bạo loạn, hạ uy thế quân sự, chính trị to lớn của ta sau chiến thắng 30/4/1975.

+ *Bốn là*, uy hiếp Lào từ phía Bắc, làm suy yếu liên minh chiến đấu Việt - Lào, buộc Lào “trung lập” trong cuộc đấu tranh giữa ta và họ; phá hoại Lào toàn diện, buộc Lào theo họ chống lại ta, uy hiếp ta từ phía Tây. Đồng thời thị uy các nước Đông Nam Á, gỡ thế diện cho họ sau thất bại nặng nề ở Campuchia.

+ *Năm là*, thăm dò phản ứng của Liên Xô và dư luận thế giới để chuẩn bị cho những bước phiêu lưu sau này

c. Việt Nam nỗ lực giải quyết căng thẳng bằng biện pháp hòa bình; đồng thời chuyển lực lượng vũ trang sang trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao, quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc

- Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mong muốn của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta là hòa bình, ổn định để hàn gắn vết thương chiến tranh và tập trung trí tuệ, sức lực thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

- Trước diễn biến căng thẳng trên vùng biên giới phía Bắc, Đảng và Nhà nước ta kiên trì chủ trương giải quyết bằng biện pháp hòa bình; đồng thời khẩn trương tăng cường lực lượng, đẩy mạnh xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trên phạm vi cả nước, nhất là ở Quân khu 1 và Quân khu 2. Đây là một địa bàn chiến lược rất quan trọng, án ngữ toàn bộ vùng biên giới phía Bắc, Tây Bắc và Đông Bắc của Tổ quốc, có chung đường biên giới với Trung Quốc dài hơn 1.400km chạy qua 145 xã, 19 thị trấn thuộc 27 huyện của 6 tỉnh (Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Tuyên (nay là Hà Giang, Tuyên Quang), Hoàng Liên Sơn (nay là Lào Cai, Yên Bái), Lai Châu).

- Công an nhân dân vũ trang (nay là Bộ đội Biên phòng) Việt Nam làm nhiệm vụ ở các đồn và cửa khẩu vùng biên giới các tỉnh phía Bắc thường xuyên tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta, tạo điều kiện thuận lợi, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản cho Hoa kiều trở về nước. Trong cuộc đấu tranh chống âm mưu cưỡng ép người Hoa về nước, một số cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng Việt Nam đã anh dũng hy sinh trong khi làm nhiệm vụ.

- Tháng 7/1978, Hội nghị Trung ương lần thứ tư (khoá IV) của Đảng đã chỉ đạo tập trung lực lượng để giải quyết nhanh nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên hướng biên giới Tây Nam; đồng thời động viên, tăng cường lực lượng và công tác phòng thủ đất nước ở biên giới phía Bắc.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, các đơn vị quân đội được chấn chỉnh, tăng cường về tổ chức biên chế, bổ sung quân số, vũ khí, trang bị, nâng cao sức mạnh chiến đấu, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Ngày 6/1/1979, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị về việc tăng cường chiến đấu ở các tỉnh phía Bắc, nêu rõ: “Phải theo dõi nắm chắc tình hình địch kịp thời phát hiện âm mưu và hành động tiến công phá hoại của chúng,

quyết không để bị bất ngờ, không mắc mưu khiêu khích của chúng... Gấp rút đẩy mạnh công tác sẵn sàng chiến đấu ở các địa phương trên toàn biên giới, bảo đảm sẵn sàng đánh bại địch ngay từ đầu trong bất kỳ tình huống nào”²

Thực hiện Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tham mưu, quân và dân cả nước, đặc biệt là lực lượng vũ trang Quân khu 1, Quân khu 2, Nhân dân các tỉnh biên giới phía Bắc đã nhanh chóng chuyển địa bàn, vốn là hậu phương trước đây, thành tiền tuyến của cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc.

Quân khu 1, Quân khu 2 và Nhân dân các tỉnh biên giới phía Bắc gấp rút củng cố thể trận phòng thủ, chấn chỉnh tổ chức biên chế, bổ sung quân số và trang bị kỹ thuật, tăng cường huấn luyện, hoàn chỉnh phương án tác chiến, sẵn sàng chiến đấu cao.

Các (thành), huyện (quận) ở tuyến sau cũng dự kiến kế hoạch chuẩn bị lực lượng, chủ động hiệp đồng giữa các ngành và địa phương, khi cần kịp thời cơ động lực lượng chiến đấu chi viện các tỉnh, huyện tuyến trước; đồng thời có kế hoạch sơ tán và tổ chức lực lượng tại chỗ, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ hậu phương.

2. Tóm tắt diễn biến Cuộc chiến đấu

- Bất chấp nỗ lực giải quyết căng thẳng bằng con đường hòa bình của ta, dưới sự chỉ đạo của nhà cầm quyền Trung Quốc, từ 3 giờ 30 phút ngày 17/2/1979, quân Trung Quốc sử dụng pháo binh bắn phá một số mục tiêu trong lãnh thổ của nước ta, sau đó huy động lực lượng lớn (hơn 600 nghìn quân) tiến công sang lãnh thổ của Việt Nam. Hướng tiến công chủ yếu là Lạng Sơn và Cao Bằng; hướng quan trọng là Lào Cai (Hoàng Liên Sơn); hướng phối hợp là Phong Thổ (Lai Châu); hướng nghi binh, thu hút lực lượng ta là Quảng Ninh và Hà Tuyên.

- Trước cuộc tiến công quy mô lớn của Trung Quốc, ngày 17/2/1979, Chính phủ ta đã ra tuyên bố nêu rõ: Nhà cầm quyền Trung Quốc đã đi ngược lại lợi ích của Nhân dân, phá hoại nghiêm trọng tình hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước và khẳng định: “Quân và dân Việt Nam không có con đường nào khác phải dùng quyền tự vệ chính đáng của mình để đánh trả”.

- Với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, quân và dân ta, nhất là ở các tỉnh Việt Bắc, Tây Bắc một lần nữa phát huy cao độ truyền thống cách mạng, sát cánh cùng các lực lượng vũ trang, kiên quyết chiến đấu, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

- Diễn biến chính của Cuộc chiến đấu trên các mặt trận (từ ngày 17/2/1979 đến đầu tháng 3 năm 1979) như sau:

2 Bộ Quốc phòng – Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: Lịch sử quân sự Việt Nam, tập 13, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.159

Trên mặt trận Lạng Sơn (Quân khu I):

+ Mở đầu cuộc tiến công, sau các loạt pháo kích dữ dội, đối phương sử dụng các Quân đoàn 43, 55 và 54 (dự bị), có 160 xe tăng, xe bọc thép, 350 pháo cơ giới, chia làm nhiều mũi đánh vào Lạng Sơn theo các hướng chính là: Bản Chắt (Đình Lập), Chi Ma (Lộc Bình), Ba Sơn (Cao Lộc), Tân Thanh, Tân Yên (Văn Lãng), Tri Phương (Tràng Định) và khu vực thị trấn Đồng Đăng.

+ Lực lượng vũ trang địa phương chặn đánh các mũi tiến công của quân Trung Quốc suốt ba ngày (từ ngày 17 đến 20/2) ở phía Tây đường 1A và đường 1B. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng quyết liệt. Lạng Sơn có 10 đồn, trạm, đơn vị cơ động Công an nhân dân vũ trang (nay là Bộ đội biên phòng) trực tiếp chiến đấu, liên tục đánh chặn, gây cho đối phương nhiều thiệt hại. Ở khu vực 2 xã Tân Yên và Tân Thanh, các đơn vị vũ trang chiến đấu Văn Lãng phối hợp với Bộ đội biên phòng và Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 12 đánh trả quyết liệt, đẩy lùi cuộc tiến công. Các đơn vị dân quân 2 xã Mỹ Cao và Hồng Phong đã nêu cao tinh thần quả cảm, giải vây được 400 người dân trú trong hang Khòn Khoang. Tại ngã ba Tam Lung, Tiểu đoàn 8 bộ đội địa phương Cao Lộc đã chặn đánh 1 trung đoàn của quân Trung Quốc, đồng thời đơn vị dân quân các xã Thanh Lòa, Cao Lâu, Xuất Lễ phối hợp với Bộ đội Biên phòng bẻ gãy nhiều mũi tiến công của quân Trung Quốc vào Cao Lâu và Xuất Lễ. Tiểu đoàn 4 và Tiểu đoàn 6 thuộc Trung đoàn 12 phản kích quyết liệt, làm chủ trận địa phía Bắc Tam Lung, ngăn chặn và làm chậm bước tiến quân của quân Trung Quốc vào thị xã Lạng Sơn. Tại hướng Chi Ma – Lộc Bình, Trung Quốc dùng nhiều trung đoàn có xe tăng yểm trợ tiến công ồ ạt vào đồn biên phòng Chi Ma. Ngay trong những giờ đầu tiên của cuộc chiến, các chiến sĩ Đồn biên phòng Chi Ma đã anh dũng chiến đấu, bảo vệ nhân dân sơ tán an toàn. Tại hướng Tràng Định, Công an nhân dân vũ trang cùng dân quân các xã Quốc Khánh, Tri Phương, Đội Cận phối hợp với Trung đoàn 199 bộ đội tinh tổ chức đánh trả quyết liệt suốt 6 giờ liên tục, bẻ gãy nhiều mũi tiến công, đẩy lùi đợt tiến công với quy mô lớn của quân Trung Quốc. Tại hướng Đình Lập, các đơn vị bộ đội và dân quân địa phương đã sát cánh cùng các chiến sĩ đồn Biên phòng Bắc Xa tiến công, đánh bại quân Trung Quốc giành lại điểm cao 899 Chè Mùng, gây cho Trung Quốc nhiều tổn thất; Trung đoàn bộ đội chủ lực 460, Đại đội tự vệ Nông trường Thái Bình và Đại đội súng cối 82 Lâm trường Đình Lập đã đánh bật quân Trung Quốc khỏi điểm cao 538 Bản Chắt.

Trước sự bám trụ kiên cường của các đơn vị vũ trang chiến đấu của ta trên tất cả các hướng, đến ngày 21/2/1979, Trung Quốc buộc phải tạm dừng tiến công để bổ sung quân và tìm cách tổ chức kế hoạch tiến công mới.

+ Từ ngày 22/2/1979, Trung Quốc tiếp tục huy động thêm nhiều sư đoàn bộ binh có pháo binh và xe tăng yểm trợ, ồ ạt tiến công trên các hướng từ Đồng Đăng tiến qua Tam Lung vào thị xã Lạng Sơn. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo tác chiến các hướng, Sở Chỉ huy tiền phương Quân khu I tập kết về xã Gia Lộc, huyện Chi Lăng. Ngày 24/2/1979, Đảng ủy Quân khu I quyết định thành lập

Đảng ủy, bộ Tư lệnh Mặt trận Lạng Sơn.

+ Đến ngày 25/2/1979, sau khi tiếp tục mở nhiều cuộc tiến công xâm lược, quân Trung Quốc đã chiếm được Đồng Đăng, Thất Khê, một số điểm cao dọc tuyến biên giới thuộc huyện Cao Lộc, Lộc Bình và ngoại vi thị xã Lạng Sơn. Để kịp thời chỉ đạo các trận chiến đấu chống quân Trung Quốc, sở chỉ huy tiền phương Quân khu I và Bộ Tư lệnh Mặt trận Lạng Sơn, từ xã Gia Lộc chuyển lên xã Mai Sao, huyện Chi Lăng. Bộ tư lệnh tiền phương đóng tại xã Tân Thành đã khẩn trương điều chỉnh lực lượng bảo vệ thị xã Lạng Sơn.

+ Ngày 26/2/1979, Trung Quốc tiếp tục tăng cường thêm lực lượng tại hướng Lạng Sơn, quân Trung Quốc lúc này có 3 quân đoàn, 9 sư đoàn, nhiều trung, tiểu đoàn độc lập, có hàng trăm pháo lớn và xe tăng yểm trợ. Sáng ngày 27/2/1979, Trung Quốc huy động lực lượng tiến đánh thị xã Lạng Sơn nhưng gặp phải sức kháng cự quyết liệt của quân ta. Các Sư đoàn 3, 337 và lực lượng vũ trang tỉnh Lạng Sơn phối hợp chiến đấu, chặn đánh quân Trung Quốc tại khu vực cầu Khánh Khê

+ Ngày 28/2/1979, phía Trung Quốc chia làm ba mũi tiến công vào thị xã Lạng Sơn. Lực lượng vũ trang thị xã đã hiệp đồng chặt chẽ với Trung đoàn 2, Trung đoàn 141, Trung đoàn 42, tiểu đoàn xe tăng vừa được tăng cường chặn đánh quyết liệt, đẩy lùi nhiều đợt tấn công, gây cho đối phương nhiều thiệt hại.

+ Nhằm tăng cường lực lượng, nâng cao sức mạnh đột kích, sức cơ động cao, bảo đảm chiến đấu liên tục, mở những trận phản công quy mô lớn trên mặt trận Lạng Sơn, ngày 2/3/1979, Bộ Chính trị quyết định thành lập Quân đoàn 5 thuộc Quân khu 1. Quân đoàn 5 được biên chế 4 sư đoàn bộ binh; các trung đoàn: Pháo binh, cao xạ, tăng thiết giáp, thông tin; Lữ đoàn công binh và các cơ quan, đơn vị phục vụ. Quân và dân các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Văn Quan, Chi Lăng, Hữu Lũng đã huy động hàng ngàn chiến sĩ tự vệ chiến đấu, thành lập mỗi huyện 1 tiểu đoàn tự vệ bổ sung cho mặt trận, góp phần chặn đứng nhiều mũi tiến công của quân Trung Quốc tại Khánh Khê, Thất Khê, Cao Lộc, Lộc Bình, thị xã Lạng Sơn và Đình Lập.

+ Dựa vào thế quân đông, chiều ngày 4/3/1979, quân Trung Quốc sử dụng bộ binh có xe tăng hỗ trợ mở đợt tiến công đánh chiếm thị xã Lạng Sơn. Các đơn vị chủ lực Quân khu 1 cùng bộ đội địa phương tỉnh Lạng Sơn và các huyện chiến đấu rất anh dũng, kiên cường, giữ vững địa bàn. Ngay trong ngày 5/3/1979, Trung Quốc lần lượt rút khỏi toàn tuyến biên giới.

+ Cùng với các đơn vị chiến đấu ở tuyến trước, đồng bào các dân tộc tỉnh Lạng Sơn hăng hái tham gia phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố hậu phương. Với tinh thần “Phía trước không tiếc máu xương, phía sau không tiếc của”, nhân dân các dân tộc Lạng Sơn đã chuyển hàng chục tấn hàng hóa ở tuyến sau lên bổ sung cho các đơn vị bộ đội chiến đấu trên tuyến đầu của Tổ quốc.

Trên mặt trận Cao Bằng (Quân khu 1):

+ Sáng ngày 17/2/1979, phía Trung Quốc huy động 2 quân đoàn (41, 42) và Quân đoàn 50 (thiếu) làm lực lượng dự bị, hai trung đoàn địa phương Quảng Tây, 4 trung đoàn độc lập, 225 xe tăng, xe bọc thép, hơn 300 pháo cơ giới, nhiều đơn vị sơn cước, hàng chục tiểu đoàn các xã giáp biên và hàng nghìn dân binh chia làm hai cánh: Một cánh do Quân đoàn 41 đảm nhiệm tiến công vào Thông Nông, Hà Quảng và một cánh do Quân đoàn 42 đảm nhiệm tiến công vào Phục Hòa, Đông Khê. Mục tiêu chủ yếu là đánh vào thị xã Cao Bằng và tiêu diệt Sư đoàn 346 của ta.

+ Cuộc chiến đấu trên mặt trận Cao Bằng diễn ra quyết liệt. Các đơn vị thuộc Sư đoàn 346, bộ đội địa phương tỉnh Cao Bằng cùng lực lượng dân quân tự vệ đã chiến đấu anh dũng, lập chiến công oanh liệt, buộc đối phương chịu nhiều thiệt hại. Nhân dân các dân tộc huyện Quảng Hòa tham gia vận chuyển lương thực, đạn dược từ các kho ở Quảng Uyên lên trận địa phục vụ bộ đội chiến đấu; nhiều thanh niên và dân quân đã tình nguyện ở lại chốt, sát cánh cùng bộ đội chiến đấu.

+ Để tăng cường lực lượng chiến đấu cho mặt trận Cao Bằng, Bộ Tư lệnh Quân khu 1 điều động Trung đoàn bộ binh 852 lên phòng ngự ở đèo Tài Hồ Sìn; huy động 1.300 chiến sĩ mới lên huyện Ngân Sơn, tăng cường lực lượng cho quân và dân Cao Bằng chiến đấu. Hướng ra mặt trận, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn) cử một số đơn vị bộ đội địa phương và dân quân tự vệ cấp tiểu đoàn, đại đội lên chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở mặt trận Cao Bằng.

+ Dựa vào thế quân đông, ngày 24/2, quân Trung Quốc tiến công đánh chiếm thị xã Cao Bằng và mở rộng đánh chiếm một số vùng xung quanh; tuy nhiên không thực hiện được ý định bao vây tiêu diệt Sư đoàn 346. Cao Bằng trở thành chiến trường đánh giặc khắp nơi. Phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương phối hợp với dân quân tự vệ liên tục chiến đấu, gây nhiều khó khăn và thiệt hại cho đối phương.

Trên mặt trận Hoàng Liên Sơn (nay là tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái) thuộc Quân khu 2:

+ Từ 4 giờ đến 6 giờ ngày 17/2, quân Trung Quốc dùng pháo binh bắn phá một số mục tiêu trong lãnh thổ nước ta. Sau đó, huy động 2 quân đoàn (13, 14), một sư đoàn (thuộc quân đoàn 50) cùng một số trung đoàn địa phương, có 100 xe tăng, xe bọc thép và 450 khẩu pháo hỗ trợ, chia làm hai cánh: Một cánh do Quân đoàn 13 đảm nhiệm tiến công theo hữu ngạn sông Hồng đánh vào thị xã Lào Cai và thị xã Cam Đường; một cánh do Quân đoàn 14 theo tả ngạn sông Hồng đánh vào Mường Khương, Bản Phiệt, Phố Lu.

+ Cuộc chiến đấu trên mặt trận Hoàng Liên Sơn diễn ra rất quyết liệt. Các đơn vị vũ trang của ta đã chốt giữ các khu vực, điểm cao quan trọng, chiến đấu

dũng cảm, đánh tan và đẩy lùi nhiều đợt tiến công của đối phương.

+ Ở khu vực thị xã Lào Cai, bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang và dân quân tự vệ kiên cường chiến đấu, giữ vững từng mét hào, căn nhà, dãy phố. Lực lượng vũ trang thị xã đẩy lùi nhiều đợt tiến công của đối phương ở các tiểu khu Duyên Hải, Kim Tân, Phố Mới, Cốc Lừu, Pháo Đài...

+ Do bị quân và dân địa phương kiên quyết chặn đánh, ngày 19/2, quân Trung Quốc mới vào được thị xã Lào Cai. Tiếp đến, ngày 25/2, quân đối phương chiếm được thị xã Cam Đường. Được tăng cường lực lượng, ngày 5/3, đối phương chiếm các mục tiêu Cốc San, Phố Lu và Sa Pa. Như vậy, sau 17 ngày tiến công trên hướng Hoàng Liên Sơn, đối phương tiến sâu được 40 km, nhưng cũng không còn khả năng để tiếp tục tiến công do quân và dân ta chặn đánh.

Trên mặt trận Lai Châu (Quân khu 2):

+ Phía Trung Quốc huy động Quân đoàn 11 đánh vào Pa Nậm Cúm, Nậm Cáy, Nậm Xe; mục tiêu chính là thị trấn Phong Thổ. Sáng ngày 17/2, hai sư đoàn thuộc Quân đoàn 11 cùng lực lượng dân binh, có xe tăng và pháo binh hỗ trợ, chia làm ba mũi tiến vào Lai Châu.

+ Bị lực lượng vũ trang địa phương ta chặn đánh, sau 3 ngày đối phương mới tạo được bàn đạp ở khu vực biên giới. Sau 11 ngày dừng lại để củng cố và đưa thêm lực lượng dự bị vào chiến đấu, đến ngày 5/3, đối phương chiếm được thị trấn Phong Thổ; nhưng sau đó, bị quân và dân ta đánh trả, buộc phải rút quân.

Trên mặt trận Hà Tuyên (nay là tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang) thuộc Quân khu 2:

+ Phía Trung Quốc huy động 2 sư đoàn và một số trung đoàn địa phương chia làm ba mũi tiến công vào các khu vực Thanh Thủy, Đồng Văn và Mèo Vạc (nay thuộc tỉnh Hà Giang).

+ Ngày 18/2, phía Trung Quốc huy động bộ binh có pháo binh hỗ trợ mở cuộc tiến công vào các chốt do Đội Tự vệ 784 Lâm trường Mèo Vạc và dân quân Thượng Phòng (huyện Mèo Vạc) trấn giữ.

+ Kiên quyết đánh trả các đợt tiến công của quân Trung Quốc, sau hơn chục ngày chiến đấu, quân và dân Hà Tuyên đã lập nhiều chiến công, bẻ gãy các mũi tiến công của đối phương vào các huyện Mèo Vạc, Đồng Văn, Thanh Thủy.

Trên mặt trận Quảng Ninh:

+ Quân Trung Quốc huy động 2 sư đoàn bộ binh, chia làm hai mũi: Một mũi tiến công vào Thán Phán (huyện Móng Cái) và một mũi tiến công vào Cao Ba Lanh (huyện Bình Liêu); đồng thời, dùng pháo bắn dữ dội vào thị xã Móng Cái và các khu vực Hoành Bồ, Đồng Văn, hòng phối hợp với cánh quân hướng chủ yếu ở Lạng Sơn.

+ Trước cuộc tiến công của quân Trung Quốc, lực lượng vũ trang tỉnh và các huyện Bình Liêu, Móng Cái, Tiên Yên anh dũng đánh trả, đánh tan hàng chục đợt tiến công của đối phương, giữ vững địa bàn.

+ Cuối tháng 2, đầu tháng 3/1979, quân Trung Quốc mở nhiều đợt tiến công vào các địa bàn, điểm cao giáp biên giới. Bộ đội địa phương, công an nhân dân vũ trang, dân quân tự vệ chiến đấu dũng cảm, đẩy lùi các đợt tiến công, buộc quân Trung Quốc phải rút về bên kia biên giới.

- Trải qua hơn 10 ngày chiến đấu, lực lượng vũ trang Quân khu 1, Quân khu 2 và nhân dân 6 tỉnh biên giới phía Bắc đã đánh trả quyết liệt các đợt tiến công của quân Trung Quốc. Ta đã bẻ gãy nhiều mũi tiến công, tiêu diệt nhiều sinh lực và phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh, làm chậm ý đồ đánh nhanh, chiếm nhanh các mục tiêu theo kế hoạch ban đầu, buộc quân Trung Quốc phải đưa lực lượng dự bị chiến lược vào hỗ trợ, cứu nguy cho lực lượng bị bao vây, cô lập ở Cao Bằng, Lạng Sơn và Lào Cai. Tuy nhiên, do có ưu thế quân đông và nhiều vũ khí trang bị kỹ thuật nên quân Trung Quốc đã tiến sâu vào nội địa ta trên một số hướng như Cao Bằng (từ 40-50km), Lạng Sơn, Lào Cai (từ 10-15km) và lần lượt chiếm các thị xã Lào Cai, Cao Bằng, Cam Đường, Lạng Sơn, thị trấn Phong Thổ và một số địa bàn trên vùng biên giới phía Bắc sau khi ta chủ động chuyển lực lượng về tuyến sau.

- Quá trình diễn ra cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc, Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu đã lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy quân và dân ta phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân địa phương, sử dụng lực lượng vũ trang các Quân khu 1, Quân khu 2 trực tiếp chiến đấu và điều động một bộ phận lực lượng của các quân khu, tỉnh phía sau lên tăng cường sức mạnh chiến đấu:

+ Ngày 4/3/1979, Ban Chấp hành Trung ương ra lời kêu gọi quân và dân cả nước, trong đó nêu rõ: “Đồng bào và chiến sĩ cả nước hãy phát huy khí thế cách mạng, hăng hái thi đua lao động sản xuất với kỷ luật chặt chẽ và năng suất cao, chi viện nhiều nhất cho tiền tuyến, hăng hái luyện tập quân sự, nâng cao cảnh giác”, quyết tâm “giữ vững biên cương của Tổ quốc”.

+ Ngày 5/3/1979, Chủ tịch nước công bố Lệnh tổng động viên trong cả nước để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Cùng ngày 5/3, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 83-CP quy định mọi công dân (nam từ 18 đến 45 tuổi, nữ từ 18 đến 35 tuổi) có đủ điều kiện đều gia nhập dân quân du kích tự vệ; thực hiện chế độ làm việc và luyện tập quân sự, đáp ứng nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

+ Đáp lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước, cả nước hết lòng, hết sức chi viện cho tiền tuyến.

+ Trong quá trình chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc, quân và dân ta tiếp tục nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của các nước XHCN, các lực

lượng tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hoà bình, công lý trên thế giới.

- Do không đạt được mục đích đề ra, bị quân và dân các tỉnh biên giới giáng trả mạnh mẽ, bị tổn thất nặng nề, đồng thời bị dư luận tiến bộ trên thế giới và trong nước lên án mạnh mẽ, ngày 05/3/1979, Trung Quốc buộc phải tuyên bố rút quân trên tất cả các hướng.

- Với truyền thống nhân nghĩa, bao dung và mong muốn củng cố hoà bình, hữu nghị giữa nhân dân hai nước, Trung ương Đảng và Chính phủ ta chỉ thị cho lực lượng vũ trang và Nhân dân trên vùng biên giới phía Bắc ngừng mọi hoạt động tiến công quân sự để Trung Quốc rút toàn bộ lực lượng và phương tiện chiến tranh về nước.

- Từ ngày 6/3/1979, phía Trung Quốc vừa rút quân, vừa đánh phá, gây nhiều thiệt hại về người và của đối với đồng bào ta ở một số vùng giáp biên giới. Đến ngày 18/3/1979, về cơ bản Trung Quốc đã rút quân khỏi nước ta.

- Mặc dù tuyên bố rút quân, nhưng trên thực tế, từ sau ngày 18/3/1979, phía Trung Quốc vẫn chiếm đóng trái phép một số điểm cao thuộc các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Tuyên, có nơi sâu từ 200 đến 500 mét, thường xuyên gây xung đột vũ trang, làm cho tình hình luôn căng thẳng, kéo dài đến năm 1989:

+ Trung Quốc đã duy trì nhiều đơn vị quân đội, gây xung đột, lấn chiếm biên giới. Từ tháng 4/1984 đến 5/1989, Trung Quốc đưa hơn 500.000 quân đánh chiếm biên giới Vị Xuyên. Mặt trận Vị Xuyên - Hà Tuyên trở thành vùng chiến sự ác liệt nhất trong cuộc chiến chống xâm lấn biên giới.

+ Đến giữa năm 1984, quân Trung Quốc lần lượt chiếm đóng trái phép nhiều cao điểm của Việt Nam như: 226, 233, 685, 772, 1030, 1250, 1509... thuộc tỉnh Hà Giang. Sư đoàn 312, 316, 356 được lệnh tiến hành chiến dịch phản công giành lại các điểm cao. Ngày 12/7/1984, trận mở màn chiến dịch giành lại cao điểm 772 diễn ra ác liệt. Quân Trung Quốc được hỏa lực mạnh yểm trợ, lại chiếm được các điểm cao có lợi đã gây cho ta nhiều thiệt hại, hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ hy sinh. Sau trận đánh, các đơn vị của ta tuy không giành lại được các cao điểm đã mất nhưng đã chặn được quân Trung Quốc thực hiện ý định vượt qua ngã ba Thanh Thủy để tiến xuống thị xã Hà Giang.

+ Từ tháng 7/1984 về sau, Vị Xuyên tiếp tục là mặt trận ác liệt, hai bên giành giật nhau từng vị trí trên các điểm cao. Đỉnh điểm diễn ra vào đầu năm 1985 có ngày quân Trung Quốc bắn tới 30.000 quả đại bác vào Vị Xuyên trong khoảng chiều rộng 5km, chiều sâu 3km.

+ Thương vong của hai phía trong các cuộc xung đột kéo dài 10 năm ở mặt trận Vị Xuyên rất lớn. Theo thống kê của Ban liên lạc Cựu chiến binh mặt trận Vị Xuyên, từ năm 1984 đến 1989, hơn 4.000 bộ đội Việt Nam hy sinh, hàng nghìn người bị thương, nhiều liệt sĩ chưa tìm được hài cốt.

3. Kết quả và bài học kinh nghiệm

3.1- Kết quả: Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc (tính từ ngày 17/2 đến 18/3/1979), quân và dân ta đã gây tổn thất cho 9 quân đoàn chủ lực, loại khỏi vòng chiến đấu 62.500 quân, tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 3 trung đoàn, 18 tiểu đoàn, bắn cháy và phá hủy 550 xe quân sự, trong đó có 280 xe tăng và xe bọc thép, phá hủy 115 khẩu pháo và cối hạng nặng, thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự...

3.2- Bài học kinh nghiệm: *Một là*, thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội và sự nghiệp quốc phòng, quân sự, trọng tâm là củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân vững mạnh. *Hai là*, nhạy bén trong phân tích, đánh giá tình hình, nhận rõ đối tác, đối tượng của cách mạng; luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; quyết tâm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. *Ba là*, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường tiềm lực, thế trận quốc phòng, an ninh, nhất là ở những địa bàn trọng yếu, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. *Bốn là*, chú trọng xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có sức mạnh tổng hợp ngày càng cao, làm nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc. *Năm là*, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; tăng cường quan hệ đoàn kết, hữu nghị giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Trung Quốc.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC TỪ SAU KHI BÌNH THƯỜNG HÓA QUAN HỆ ĐẾN NAY

1. Trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao

- Từ ngày 5 - 10/11/1991, nhận lời mời của Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Giang Trạch Dân và Thủ tướng Quốc vụ viện nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Lý Bằng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt dẫn đầu Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam đã thăm chính thức nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Đây là mốc thời gian đánh dấu chính thức bình thường hóa và mở ra một trang sử mới trong quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc. Hai bên tuyên bố hai nước Việt Nam - Trung Quốc sẽ phát triển quan hệ hữu nghị và láng giềng thân thiện, trên cơ sở 5 nguyên tắc: Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi và cùng tồn tại hòa bình.

- Từ khi bình thường hóa quan hệ năm 1991 đến nay, về tổng thể, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc khôi phục nhanh, phát triển mạnh.

+ Lãnh đạo cấp cao hai nước thường xuyên có các chuyến thăm chính thức và gặp gỡ bên lề hội nghị quốc tế, qua các cuộc gặp cấp cao. Hai bên luôn nhấn mạnh, tình hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc là tài sản quý báu của hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước, cần được hết sức giữ gìn và không ngừng vun đắp; khẳng định sẽ làm hết sức mình để đưa quan hệ đó ngày càng sâu sắc hơn, tin cậy hơn, cùng ủng hộ lẫn nhau trong sự nghiệp đổi mới, cải cách mở cửa, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

+ Hai bên duy trì trao đổi đoàn và thiết lập cơ chế hợp tác, giao lưu giữa các cấp của hai đảng, như: duy trì trao đổi đoàn và thiết lập cơ chế hợp tác, giao lưu giữa các Ban Đảng, tổ chức các cuộc hội thảo về lý luận giữa hai Đảng, thành lập cơ chế Ủy ban chỉ đạo hợp tác song phương (2006) để điều phối tổng thể các mặt hợp tác trong quan hệ hai nước.

+ Quan hệ giữa các ngành quan trọng (ngoại giao, an ninh, quốc phòng...) được đẩy mạnh.

+ Quan hệ giữa các địa phương được tăng cường với nhiều hình thức với các cơ chế, như: ủy ban công tác liên hợp giữa 04 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc); Nhóm công tác liên hợp giữa 04 tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Hội nghị kiểm điểm tình hình hợp tác giữa các bộ, ngành, địa phương Việt Nam với tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc); Hội nghị hợp tác hành lang kinh tế 5 tỉnh, thành phố Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh (Việt Nam) và Côn Minh (Trung Quốc).

+ Giao lưu nhân dân và thể hệ trẻ hai nước được triển khai thường xuyên, hằng năm.

2. Trên lĩnh vực kinh tế

- Về thương mại, kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều không ngừng phát triển, đặc biệt là trong những năm đầu thế kỷ XXI. Chỉ số trao đổi thương mại của hai nước cho thấy mức độ gia tăng không ngừng của hợp tác kinh tế hai nước và không ngừng vượt qua các kế hoạch và dự báo của hai bên cho mỗi giai đoạn. Năm 1991, kim ngạch thương mại hai bên chỉ là 32 triệu đô-la Mỹ. Năm 2010, kim ngạch thương mại song phương đã lên tới 27,3 tỉ đô-la Mỹ. Năm 2017, chỉ số này là 93,69 tỉ đô-la Mỹ. Dự báo, năm 2018, kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Trung Quốc lần đầu tiên sẽ chạm mốc 100 tỉ đô-la Mỹ và là đối tác thương mại đầu tiên lập được kỷ lục này.

- Về đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam không ngừng gia tăng: Từ tháng 11/1991 đến tháng 12/1999, Trung Quốc mới có 76 dự án với tổng số vốn đầu tư theo giấy phép là 120 triệu USD. Nhưng chỉ 10 năm sau (tháng 12/2009), Trung Quốc đã có 657 dự án tại Việt Nam với số vốn đăng ký là hơn 2,6 tỉ USD. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2011, số vốn đăng ký của

Trung Quốc (bao gồm Đài Loan) là 1,3 tỉ USD thì đến năm 2017, số vốn đăng ký của Trung Quốc tăng 2,7 lần, bình quân mỗi năm tăng khoảng 18%.

3. Trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo, văn hóa, du lịch

- Những năm gần đây, hợp tác giáo dục - đào tạo hai nước phát triển rất mạnh mẽ. Hai nước đã ký kết nhiều hiệp định quan trọng về hợp tác đào tạo. Hiện số du học sinh Việt Nam tại Trung Quốc khoảng 10.000 người, số lượng du học sinh Trung Quốc học tập tại Việt Nam cũng ngày càng gia tăng.

- Hợp tác trên lĩnh vực văn hóa giữa hai bên cũng đạt được nhiều thành tựu, nhất là giao lưu văn hóa truyền thống, triển lãm hội họa, xuất bản, báo chí, điện ảnh... Từ năm 1991 đến nay, Việt Nam đã cử hơn 200 đoàn đại biểu văn hóa sang Trung Quốc biểu diễn, khảo sát, học hỏi. Trung Quốc cũng cử hàng trăm đoàn giao lưu văn hóa hữu nghị với Việt Nam.

- Về du lịch, kể từ khi bình thường hóa quan hệ đến nay, hợp tác du lịch hai nước ngày càng mạnh mẽ. Nếu như năm 1993 chỉ có 17.000 lượt người Trung Quốc sang Việt Nam du lịch, thì đến nay, trong 11 tháng của năm 2018, có 4.560.895 lượt khách du lịch Trung Quốc sang Việt Nam, đứng đầu về số lượng khách quốc tế.

4. Về biên giới lãnh thổ

- Về biên giới trên bộ, hai nước Việt Nam - Trung Quốc có đường biên giới trên đất liền dài hơn 1.400 km. Sau khi bình thường hóa quan hệ, hai bên đã tiến hành đàm phán thực chất và ký kết “Hiệp ước biên giới trên đất liền” ngày 30/12/1999. Tháng 2/2009, sau một quá trình đàm phán phức tạp, khó khăn lâu dài suốt 10 năm, trên cơ sở tôn trọng lịch sử và xét đến hiện tại, hiệp thương thẳng thắn và lâu dài, hai nước hoàn thành việc cắm mốc biên giới trên đất liền.

- Về Vịnh Bắc Bộ, năm 2000, hai nước ký “Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa” và “Hiệp định hợp tác nghề cá Vịnh Bắc Bộ”, có hiệu lực từ năm 2004. Hiện nay, các Hiệp định trên được triển khai tương đối thuận lợi, công tác quản lý đánh bắt và bảo vệ nguồn lợi hải sản dần đi vào nề nếp. Hai bên cũng thực hiện tốt công tác điều tra liên hợp nguồn thủy sản và tuần tra chung của hải quân hai nước ở Vịnh Bắc Bộ.

- Về vấn đề Biển Đông, ngay từ khi bình thường hóa quan hệ, hai bên nhất trí thông qua đàm phán hòa bình để giải quyết các tranh chấp nhằm tìm kiếm giải pháp cơ bản, lâu dài mà hai bên có thể chấp nhận được, trên cơ sở Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Tuyên bố về cách ứng xử ở Biển Đông năm 2002 (DOC) ký giữa Trung Quốc và ASEAN.

5. Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh

- Hợp tác quốc phòng Việt Nam - Trung Quốc có những bước tiến mạnh mẽ với việc hai bên thường xuyên trao đổi đoàn nhằm tạo sự tin cậy, hiểu biết lẫn nhau.

- Quân đội hai nước thống nhất nhận thức về sự chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của hai nước thông qua các thủ đoạn chống phá trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, chia rẽ Đảng với Quân đội, Quân đội với nhân dân và mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc; giải quyết những bất đồng giữa hai nước cần được thực hiện bằng các biện pháp hoà bình bằng đàm phán trên cơ sở luật pháp quốc tế và tôn trọng lợi ích của nhau. Quân đội hai nước cần kiểm soát tốt tình hình, không để xảy ra xung đột, không làm ảnh hưởng xấu tới quan hệ hai nước

- Những năm qua, hai bên duy trì thường xuyên các cuộc thăm viếng cấp cao giữa bộ quốc phòng hai nước.

- Từ năm 2012 đến nay, hằng năm, cấp cao nhất Bộ Quốc phòng hai nước đều tổ chức Giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới Việt - Trung và hằng năm hai bên đều có đối thoại cấp Thứ trưởng quốc phòng.

III. MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG QUAN HỆ GIỮA LẠNG SƠN (VIỆT NAM) – KHU TỰ TRỊ DÂN TỘC CHOANG QUẢNG TÂY (TRUNG QUỐC) TỪ SAU KHI BÌNH THƯỜNG HÓA QUAN HỆ ĐẾN NAY

Quan hệ hữu nghị, hợp tác với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) từ khi bình thường hóa quan hệ đến nay tiếp tục được chú trọng và tăng cường, triển khai tích cực, chủ động, hiệu quả.

- Thực hiện thỏa thuận của lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai Nhà nước, tỉnh đã tích cực chỉ đạo thực hiện công tác phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa bàn tỉnh, bảo đảm thực hiện theo đúng tiến độ, mục tiêu; phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan tổ chức thành công Lễ mừng công hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc trên toàn tuyến biên giới đất liền Việt - Trung (*tháng 02/2009*), là sự kiện có ý nghĩa lịch sử, trọng đại trong quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc. Việc hoàn thành công tác phân giới cắm mốc đã giúp thực hiện công tác quản lý biên giới một cách thuận lợi, hiệu quả, ngăn ngừa các tranh chấp biên giới và các hiện tượng xâm canh, xâm cư do thiếu hiểu biết về đường biên giới; xây dựng môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển, mở ra cơ hội mới cho sự phát triển bền vững giữa hai nước, đặc biệt là tạo điều kiện cho các địa phương biên giới hai bên tăng cường giao lưu, hợp tác phát triển kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân.

- Hai bên thường xuyên tổ chức các hoạt động trao đổi đoàn lãnh đạo cấp Tỉnh - Khu, cấp ngành, cấp huyện và Nhân dân hai bên biên giới.

- Lãnh đạo hai bên thường xuyên duy trì cơ chế trao đổi thông tin, thăm hỏi, chúc mừng nhân dịp Tết cổ truyền, kỷ niệm ngày Quốc khánh và các sự kiện chính trị quan trọng của hai nước.

+ Tích cực phát huy các cơ chế hiện có như: Cơ chế “Trao đổi hợp tác ở vùng biên giới”, cơ chế “Ủy ban công tác liên hợp giữa các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang (Việt Nam) với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc)”, cơ chế “Gặp gỡ đầu Xuân giữa Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang (Việt Nam) với Bí thư Khu ủy dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc)” và nhiều cơ chế hợp tác cấp ngành, địa phương. Đến nay, cơ chế Ủy ban công tác liên hợp đã duy trì tổ chức được 9 kỳ hội nghị (*trong đó tỉnh Lạng Sơn đã đảm nhiệm vai trò Chủ tịch luân phiên phía Việt Nam tại kỳ họp lần thứ 3*), cơ chế Gặp gỡ đầu Xuân (được thiết lập từ đầu năm 2016) đã tổ chức 03 kỳ hội đàm.

+ Trên cơ sở những thỏa thuận hợp tác đã đạt được, các cấp, các ngành liên quan tích cực triển khai thực hiện và đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực: Thương mại, đầu tư, quản lý biên giới, quản lý cửa khẩu, đấu tranh phòng, chống tội phạm qua biên giới, giao thông vận tải, khoa học - công nghệ, nông - lâm nghiệp, y tế, giáo dục - đào tạo, văn hoá - thể thao, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu, nghiên cứu thúc đẩy thành lập Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Đồng Đăng - Bằng Tường.... góp phần tăng cường hiểu biết, tin cậy lẫn nhau, củng cố tình hữu nghị và giao lưu hợp tác cùng có lợi giữa hai bên, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

+ Thường xuyên, tích cực phối hợp với các cơ quan, địa phương của Quảng Tây (Trung Quốc) tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, tạo cầu nối hỗ trợ cho các doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường và đối tác kinh doanh. Hai bên đã phối hợp tổ chức nhiều Hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư, xúc tiến xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm sản của tỉnh sang thị trường Trung Quốc, luân phiên tổ chức Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt - Trung hằng năm... Tham dự nhiều diễn đàn về thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư, kết nối giao thông...

Hoạt động kinh tế - thương mại, xuất nhập khẩu qua địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển ổn định, kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn năm sau cao hơn năm trước, duy trì tăng trưởng ở mức cao so với bình quân chung các tỉnh biên giới trong cả nước. Giai đoạn 2008 - 2017, tổng kim ngạch đạt 26.833 triệu USD, bình quân tăng 17,49%/năm (*từ 1.498 triệu USD năm 2008 lên đạt 5.250 triệu USD năm 2017*), trong đó: Kim ngạch xuất khẩu 12.274 triệu USD, tăng bình quân 26,2%/năm (trong đó tăng từ 314 triệu USD năm 2008 lên 2.950 triệu USD vào năm 2017); Kim ngạch nhập khẩu đạt 14.559 triệu USD tăng 11,6%/năm (trong đó tăng từ 1.184 triệu USD năm 2008 lên 2.300 triệu USD năm 2017). Năm 2018 Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 4.855 triệu USD, đạt 100,7% kế hoạch, giảm 7,5% so với cùng kỳ. Trong đó: Xuất khẩu 2.955 triệu USD, đạt 103,7% kế hoạch, tăng 0,2%; nhập khẩu 1.900 triệu USD, đạt 96,5% kế hoạch, giảm 17,4%; xuất khẩu hàng địa phương 125,5 triệu USD, đạt 100% kế hoạch, tăng 9,6%.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, thông qua tổ chức các sự kiện văn hóa, lễ hội xuân, các hoạt động giao lưu, biểu diễn nghệ thuật giữa các huyện, thị hai bên biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các trường phổ thông. Tiếp tục thực hiện các Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, đào tạo cán bộ trẻ về chuyên môn, ngoại ngữ ở nước ngoài theo các chương trình hợp tác của Trung ương và của tỉnh; triển khai hiệu quả chương trình hợp tác cấp học bổng đào tạo với Quảng Tây, Trung Quốc.

- Tỉnh đã tích cực chỉ đạo triển khai hợp tác về quản lý lao động qua biên giới với Quảng Tây, Trung Quốc. Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành ký kết biên bản "Cơ chế hợp tác quản lý lao động qua biên giới" với Cục Tài nguyên nhân lực và An sinh xã hội thành phố Sùng Tả, Quảng Tây, Trung Quốc.

- Tỉnh đã phối hợp làm tốt công tác giao lưu quốc phòng biên giới, trao đổi đoàn, ký kết biên bản hợp tác, hội đàm, giao lưu văn hóa, nghệ thuật, trao đổi thông tin, hợp tác quốc tế về thực thi pháp luật, quản lý xuất nhập cảnh, bảo đảm an ninh trật tự phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, đặc biệt vào thời gian cao điểm thu hoạch nông sản, đấu tranh, phòng chống tội phạm xuyên biên giới, đặc biệt tội phạm về tiền giả, buôn bán người, ma túy, tội phạm có yếu tố nước ngoài, đối tượng truy nã giữa Lạng Sơn (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc)

- Tỉnh đã thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức triển khai công tác đối ngoại Nhân dân, các nhiệm vụ đối ngoại theo tinh thần Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 06/7/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại Nhân dân trong tình hình mới. Chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức các hoạt động giao lưu hữu nghị, giao lưu văn hóa - thể thao, biểu diễn nghệ thuật, lễ hội xuân cho Nhân dân biên giới nhân dịp lễ, Tết, Quốc khánh của hai nước. Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân khu vực biên giới phát huy quan hệ láng giềng truyền thống, qua lại thăm thân, giao lưu, hợp tác kinh doanh, trao đổi hàng hóa...

* *

*

Nhìn lại gần ba mươi năm qua, kể từ khi Việt Nam - Trung Quốc bình thường hóa quan hệ, mặc dù còn tồn tại những bất đồng, những điểm khác biệt, song hợp tác và hữu nghị luôn giữ vai trò chủ đạo, mang tính tất yếu trong sự phát triển quan hệ hai nước, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân hai nước, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại ngày nay.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY LẠNG SƠN